

Bản án: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Minh
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: bà Diệp Thị Thanh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị B trình bày: chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 21/8/2000. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh B ngay. Trong thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường

xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Bản thân anh B còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã có lần làm đơn ra tòa, nhưng sau đó chị lại rút đơn để vợ chồng hàn gắn cùng nuôi dạy con nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Nguyễn Phước A, sinh ngày 31/8/2011. Hiện nay cháu Phước A đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Phước A và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu T hiện đã trưởng thành, chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai cùng biên bản hòa giải ngày 09/12/2021 anh trình bày: Anh xác định thời điểm kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị B trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định ngay từ đầu vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị B hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị B xin ly hôn, anh đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị B trình bày là đúng. Ly hôn anh đồng ý để chị B được nuôi cháu A, đối với cháu T đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn anh B. Về con chung: Giao cho chị B nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước A, sinh ngày 31/8/2011, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị B có yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B đều có mặt, anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh B là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh V. Theo chị B, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Anh B xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị B hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Xét đề nghị của chị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay chị B xin ly hôn, anh B cũng đồng ý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị B là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị B và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Nguyễn Phước A, sinh ngày 31/8/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị B và anh B đã thỏa thuận được về việc thuận tình ly hôn, nuôi con chung, hai bên thống nhất để chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước A, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Đối với cháu Nguyễn Anh T đã trưởng thành, chị B và anh B đều không đề nghị giải quyết. Sau đó, anh B có đơn đề nghị Tòa án tạm dừng xin lùi ngày ra quyết định thuận tình ly hôn vì lý do sức khỏe nên chưa thống nhất được về phân chia tài sản và nuôi con với chị B. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh B lên làm việc nhưng anh B vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa anh B vẫn tiếp tục vắng mặt nên không có quan điểm thay đổi của anh về nuôi con chung. Xét việc, cháu A vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị B, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh B cấp dưỡng và để đảm bảo quyền lợi cho cháu A nên cần giao cháu A cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, xét việc chị B không yêu cầu anh B cấp dưỡng là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị B, anh B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị B. Cho chị Hà Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Bắc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước A, sinh ngày 31/8/2011(hiện cháu đang ở cùng chị Bắc). Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị B phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006060 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị B đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã T
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp